

Số: 10.01/2024/CBTT-PIV

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần PIV (MCK: PIV) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý IV năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. **BCTC quý IV năm 2023** theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con);

BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

2. Các **văn bản giải trình** phải công bố thông tin **đồng thời** cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PIV
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
LÊ HOÀNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Unit 9 tầng 12, tòa nhà Century Tower, số 458 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo Tài chính	
Bảng cân đối kế toán	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 17

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Unit 9 tầng 12, tòa nhà Century Tower, số 458 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần PIV được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 26 vào ngày 16 tháng 05 năm 2023.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Unit 9 tầng 12, tòa nhà Century Tower, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KÊ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông Trương Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông Lê Hoàng Long	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông Đàm Hoàng Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông Ngô Lê Bảo Long	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà Nguyễn Lan Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Nguyễn Duy Bằng	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm 18/04/2023)
Nguyễn Hồng Quân	Thành viên (Miễn nhiệm 18/04/2023)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hoàng Long	Tổng Giám đốc – Đại diện pháp luật (Bổ nhiệm ngày 19/04/2023)
Ông Vũ Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/04/2023)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Đình Hiệu	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 19/04/2023)
Ông Hoàng Tiến Thành	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà Lương Thu Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)
Bà Đặng Thị Nụ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)
Ông Nguyễn Hữu Sáng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Unit 9 tầng 12, tòa nhà Century Tower, số 458 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2024
TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lê Hoàng Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.860.197.119	15.319.283.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.1	1.728.288.674	336.110.538
1. Tiền	111		1.728.288.674	336.110.538
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	3.2	-	14.525.016.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	156.601.280.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(142.076.263.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		720.982.299	246.060.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.3	-	2.905.670.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.4	519.164.115	815.520.535
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.5	201.818.184	63.660.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(3.538.790.866)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		410.926.146	212.096.754
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126.273.332	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		284.652.814	212.096.754
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269.825.761	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220	3.6	167.040.451	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	3.6.1	31.295.458	-
- Nguyên giá	222		36.818.182	5.672.635.204
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.522.724)	(5.672.635.204)
2. Tài sản cố định vô hình	227	3.6.2	135.744.993	-
- Nguyên giá	228		153.600.000	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17.855.007)	(31.284.600)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		102.785.310	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		102.785.310	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.130.022.880	15.319.283.892

CÔNG TY CỔ PHẦN PIVUnit 9 tầng 12, tòa nhà Century Tower, số 458 phố Minh Khai,
P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023

NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		359.617.624	6.980.835.881
I. Nợ ngắn hạn	310		359.617.624	6.980.835.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.7	78.236.382	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.8	-	6.710.805.699
3. Phải trả người lao động	314		-	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		235.743.504	224.392.444
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.770.405.256	8.338.448.011
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.770.405.256	8.338.448.011
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		173.249.420.000	173.249.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(261.600.000)	(261.600.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		443.972.144	443.972.144
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.157.200	35.157.200
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(170.696.544.088)	(165.128.501.333)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(165.128.501.333)	(22.061.833.997)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.568.042.755)	(143.066.667.336)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.130.022.880	15.319.283.892

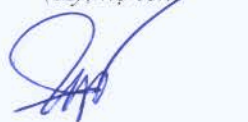
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

(Ký, họ tên)


Phạm Cẩm Ngân**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)


Phạm Cẩm Ngân**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Lê Hoàng Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

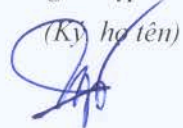
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.9	388.630.120	235.925.924	6.412.470.272	235.925.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		388.630.120	235.925.924	6.412.470.272	235.925.924
4. Giá vốn hàng bán	11	3.10	367.076.471	224.129.630	5.928.716.338	224.129.630
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.553.649	11.796.294	483.753.934	11.796.294
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.133	-	380.604	24.221
7. Chi phí tài chính	22		-	142.076.263.400	2.994.906.600	142.077.246.617
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.11	644.618.560	313.077.105	1.654.556.463	990.095.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		(623.061.778)	(142.377.544.211)	(4.165.328.525)	(143.055.521.738)
11. Thu nhập khác	31		3.141.800	-	184.966.152	-
12. Chi phí khác	32	3.12	11.000	-	1.587.680.382	11.145.598
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.130.800	-	(1.402.714.230)	(11.145.598)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(619.930.978)	(142.377.544.211)	(5.568.042.755)	(143.066.667.336)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(619.930.978)	(142.377.544.211)	(5.568.042.755)	(143.066.667.336)

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

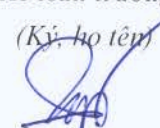
(Ký, họ tên)



Phạm Cẩm Ngân

Kế toán trưởng

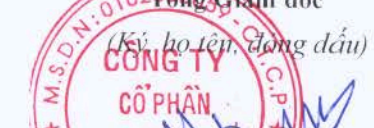
(Ký, họ tên)



Phạm Cẩm Ngân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Hoàng Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.989.456.621	254.824.221
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(8.989.646.386)	(508.960.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(548.150.000)	(267.645.890)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.814.547.979)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.651.886.166	143.193.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.897.200.890)	(202.641.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.391.797.532	(581.229.831)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		380.604	24.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		380.604	24.221
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.392.178.136	(581.205.610)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		336.110.538	918.299.365
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(983.217)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		1.728.288.674	336.110.538

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Unit 9 tầng 12, tòa nhà Century Tower, số 458 phố Minh Khai,
P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Phạm Cẩm Ngân

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Phạm Cẩm Ngân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Hoàng Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PIV được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 26 vào ngày 16 tháng 05 năm 2023.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Unit 9 tầng 12, tòa nhà Century Tower, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 173.249.420.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng./.)

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 17.324.942 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 06 nhân viên

Lĩnh vực kinh doanh: Buôn bán và dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

Bán buôn xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp. Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật. Sản xuất mô tô, xe máy. Bán lẻ xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng xe đạp. Sửa chữa và thay thế phụ tùng xe đạp, kể cả xe đạp điện.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xe máy điện, xe đạp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban

đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo: Chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 8 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
- Phần mềm máy tính	5 - 5 năm

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**3.1 Tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	15.589.871	13.180.168
Tiền gửi ngân hàng	1.712.698.803	322.930.370
Cộng	1.728.288.674	336.110.538

3.2 Các khoản đầu tư tài chính

	Số lượng CP	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Số đầu kỳ 01/01/2023				
Chứng khoán kinh doanh (Công ty CP BOT Cầu Thái Hà, Mã CK: BOT)	4.365.800	156.601.280.000	14.525.016.600	(142.076.263.400)
Số cuối kỳ 31/12/2023				
Chứng khoán kinh doanh (Công ty CP BOT Cầu Thái Hà, Mã CK: BOT)	-	-	-	-

3.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	-	1.686.450.000
Công ty CP ĐT và XNK Bình Minh	-	1.219.220.331
Cộng	-	2.905.670.331

3.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL	-	-
Công ty TNHH PT Thương mại và Dịch vụ Hải Kim	492.199.160	-
Công ty CP DV Đường cao tốc VN	-	400.000.000
Công ty Cổ phần Trung Tín	-	233.120.535
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư và PT Thăng Long	-	150.000.000
Các đối tượng khác	26.964.955	32.400.000
Cộng	519.164.115	815.520.535

3.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Đặt cọc thuê địa điểm	195.000.000	-
Khác	6.818.184	63.660.000
Cộng	201.818.184	63.660.000

3.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

3.6.1 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
Mua trong kỳ	-	-	36.818.182	36.818.182
Thanh lý trong kỳ	(3.636.363.636)	(1.672.363.636)	(363.907.932)	(5.672.635.204)
Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	36.818.182	36.818.182
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
Khấu hao trong kỳ	-	-	5.522.724	5.522.724
Số giảm trong kỳ	(3.636.363.636)	(1.672.363.636)	(363.907.932)	(5.672.635.204)
Số cuối kỳ	-	-	5.522.724	5.522.724
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	31.295.458	31.295.458

3.6.2 Tài sản cố định vô hình

Là các chương trình phần mềm máy tính, website và số liệu tên miền (domain)

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	31.284.600
Mua trong kỳ	153.600.000
Thanh lý trong kỳ	(31.284.600)
Số cuối kỳ	153.600.00
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	31.284.600
Khấu hao trong kỳ	17.855.007
Thanh lý trong kỳ	(31.284.600)
Số cuối kỳ	17.855.007
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối kỳ	135.744.993

3.7 Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nhật Nam	78.236.382	-
Cộng	78.236.382	-

3.8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2023	01/01/2023
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	880.636.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.814.547.979
Thuế thu nhập cá nhân	-	48.446.202
Các loại thuế khác	-	879.359.272
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	87.815.880
Cộng	-	6.710.805.699

3.9 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá	6.412.470.272	235.925.924
Cộng	6.412.470.272	235.925.924

3.10 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hoá	5.928.716.338	224.129.630
Cộng	5.928.716.338	224.129.630

3.11 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
3.11.1 Chi phí bán hàng	-	-
3.11.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	565.305.051	339.829.226
Chi phí vật liệu quản lý	490.445.890	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.205.981	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.377.731	557.624.601
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.057	88.603.161
Chi phí bằng tiền khác	358.794.753	1.038.648
Cộng	1.654.556.463	990.095.636

3.12 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản tiền nộp phạt (vi phạm hành chính)	1.587.669.377	11.145.598
Các khoản khác	11.005	-
Cộng	1.587.680.382	11.145.598

4. Giao dịch với các bên liên quan

Phát sinh giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2023 bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền (VND)
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư và Phát triển Thăng Long	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Thuê văn phòng Quý I+II/2023	150.000.000
Ông Vũ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	Vay cá nhân	1.150.000.000
Ông Vũ Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền vay cá nhân	1.150.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Hải Kim	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Đặt cọc thuê địa điểm	120.000.000
Công ty TNHH Phát triển thương mại và Dịch vụ Hải Kim (*)	Đồng thành viên quản lý chủ chốt	Thanh toán tiền mua hàng hoá Mua hàng hoá	2.869.045.000 2.550.559.996

Ghi chú: (*) Công ty TNHH Phát triển thương mại và Dịch vụ Hải Kim không còn là bên liên quan kể từ ngày 14/04/2023.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán:

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 của Công ty.



Người lập biểu

Phạm Cẩm Ngân

Kế toán trưởng

Phạm Cẩm Ngân

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2024



Lê Hoàng Long